

Số: 4.543/BVĐHYD-QTTN  
V/v mời chào giá

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2024

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp các loại lọc cho hệ thống điều hòa không khí trung tâm.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 02 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 28/..9../2024.
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
  - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>
  - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Quản trị tòa nhà (hầm 2 khu A) Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.

Người liên hệ: Chị Hoa      Số điện thoại: 0988044005

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có).

Trân trọng./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đầu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J22-268-cthoa) (3).

**TUQ. GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ**



Nguyễn Anh Tuấn



## PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số 454.3/BVĐHYD-QTTN, ngày 17 tháng 9 năm 2024)

### I. Phạm vi cung cấp:

| STT | Danh mục                                        | ĐVT  | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------|------|----------|
| 1   | Lọc HEPA<br>Kích thước: 610x610x69 mm           | Cái  | 2        |
| 2   | Lọc túi F8<br>Kích thước: 592x592x380 mm        | Cái  | 304      |
| 3   | Lọc túi F8<br>Kích thước: 592x287x380 mm        | Cái  | 54       |
| 4   | Lọc thô G2<br>Kích thước: 870x450x10 mm         | Cái  | 8        |
| 5   | Lọc thô G2<br>Kích thước: 620x450x10 mm         | Cái  | 40       |
| 6   | Lọc thô G2<br>Kích thước: 520x350x10 mm         | Cái  | 8        |
| 7   | Lọc thô G2<br>Kích thước: 760x350x10 mm         | Cái  | 4        |
| 8   | Lọc thô G2<br>Kích thước: 650x450x10 mm         | Cái  | 2        |
| 9   | Lọc thô G2<br>Kích thước: 500x350x10 mm         | Cái  | 2        |
| 10  | Lọc thô G2<br>Kích thước: 610x415x10 mm         | Cái  | 2        |
| 11  | Lọc thô G2<br>Kích thước: 590x445x10 mm         | Cái  | 4        |
| 12  | Lọc thô G2<br>Kích thước: 610x440x10 mm         | Cái  | 2        |
| 13  | Bông lọc bụi G4<br>Kích thước: 1300x650x20 mm   | Tám  | 331      |
| 14  | Bông lọc bụi G2<br>Kích thước: 20000x2000x10 mm | Cuộn | 1        |

### II. Yêu cầu kỹ thuật:

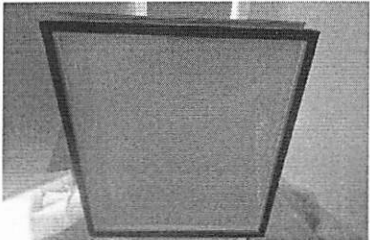
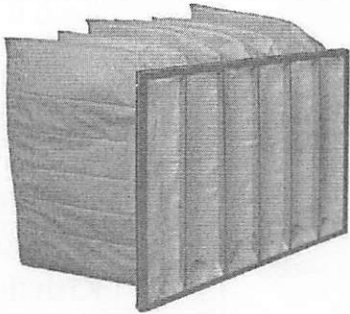
#### 1. Giới thiệu chung về gói thầu:

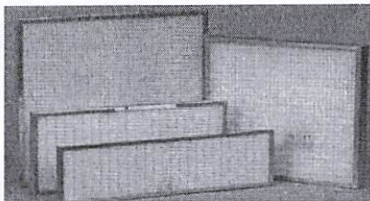
- Bên mời thầu: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;
- Địa điểm thực hiện: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM;
- Tên gói thầu: Cung cấp các loại lọc cho hệ thống điều hòa không khí trung tâm;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 4 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Trong đó, thời gian thực hiện gói thầu (bao gồm thời gian nghiệm thu) 3 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời gian cung cấp hàng hóa 2 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

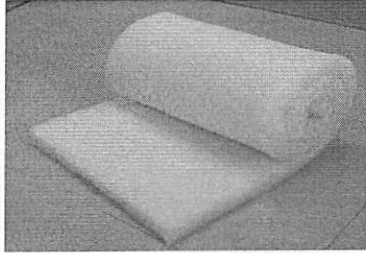
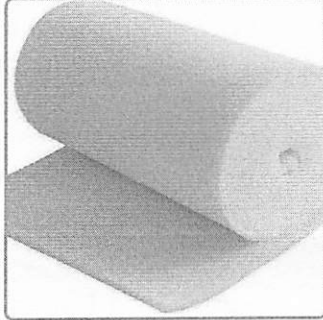
## 2. Yêu cầu kỹ thuật:

### 2.1. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

| STT | Danh mục                                       | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hình ảnh tham khảo                                                                    |
|-----|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Lọc HEPA<br>Kích thước:<br>610x610x69<br>mm    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại: H13</li> <li>- Kích thước (dài x rộng x dày): 610x610x69 mm</li> <li>- Lưu lượng: <math>\geq 600 \text{ m}^3/\text{h}</math></li> <li>- Khung: Nhôm</li> <li>- Vật liệu: Sợi thủy tinh</li> <li>- Ron: Loại liền khối (auto gasket) mặt gió vào</li> <li>- Bảo vệ bởi 2 lớp lưới</li> <li>- Độ chênh áp ban đầu: <math>\leq 250 \text{ Pa}</math></li> <li>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 1822</li> </ul> |    |
| 2   | Lọc túi F8<br>Kích thước:<br>592x592x380<br>mm | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung: Tôn mạ kẽm</li> <li>- Kích thước (dài x rộng x sâu): 592x592x380 mm</li> <li>- Lưu lượng: <math>\geq 3400 \text{ m}^3/\text{h}</math></li> <li>- Vật liệu: Sợi tổng hợp</li> <li>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779 hoặc ISO 16890</li> </ul>                                                                                                                                                            |   |
| 3   | Lọc túi F8<br>Kích thước:<br>592x287x380<br>mm | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung: Tôn mạ kẽm</li> <li>- Kích thước (dài x rộng x sâu): 592x287x380 mm</li> <li>- Lưu lượng: <math>\geq 1700 \text{ m}^3/\text{h}</math></li> <li>- Vật liệu: Sợi tổng hợp</li> <li>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779 hoặc ISO 16890</li> </ul>                                                                                                                                                            |  |
| 4   | Lọc thô G2<br>Kích thước:<br>870x450x10<br>mm  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung: Nhôm</li> <li>- Kích thước (dài x rộng x dày): 870x450x10 mm</li> <li>- Vật liệu: Sợi tổng hợp</li> <li>- Lưới bảo vệ 2 mặt</li> <li>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779 hoặc ISO 16890</li> </ul>                                                                                                                                                                                                        |                                                                                       |
| 5   | Lọc thô G2<br>Kích thước:                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung: Nhôm</li> <li>- Kích thước (dài x rộng x dày):</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                       |

| STT | Danh mục                                   | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                          | Hình ảnh tham khảo                                                                  |
|-----|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|     | 620x450x10 mm                              | 620x450x10 mm<br>- Vật liệu: Sợi tổng hợp<br>- Lưới bảo vệ 2 mặt<br>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779 hoặc ISO 16890                                                      |  |
| 6   | Lọc thô G2<br>Kích thước:<br>520x350x10 mm | - Khung: Nhôm<br>- Kích thước (dài x rộng x dày):<br>520x350x10 mm<br>- Vật liệu: Sợi tổng hợp<br>- Lưới bảo vệ 2 mặt<br>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779 hoặc ISO 16890 |                                                                                     |
| 7   | Lọc thô G2<br>Kích thước:<br>760x350x10 mm | - Khung: Nhôm<br>- Kích thước (dài x rộng x dày):<br>760x350x10 mm<br>- Vật liệu: Sợi tổng hợp<br>- Lưới bảo vệ 2 mặt<br>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779 hoặc ISO 16890 |                                                                                     |
| 8   | Lọc thô G2<br>Kích thước:<br>650x450x10 mm | - Khung: Nhôm<br>- Kích thước (dài x rộng x dày):<br>650x450x10 mm<br>- Vật liệu: Sợi tổng hợp<br>- Lưới bảo vệ 2 mặt<br>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779 hoặc ISO 16890 |                                                                                     |
| 9   | Lọc thô G2<br>Kích thước:<br>500x350x10 mm | - Khung: Nhôm<br>- Kích thước (dài x rộng x dày):<br>500x350x10 mm<br>- Vật liệu: Sợi tổng hợp<br>- Lưới bảo vệ 2 mặt<br>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779 hoặc ISO 16890 |                                                                                     |
| 10  | Lọc thô G2<br>Kích thước:<br>610x415x10 mm | - Khung: Nhôm<br>- Kích thước (dài x rộng x dày):<br>610x415x10 mm<br>- Vật liệu: Sợi tổng hợp<br>- Lưới bảo vệ 2 mặt<br>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779 hoặc ISO 16890 |                                                                                     |



| STT | Danh mục                                                  | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                             | Hình ảnh tham khảo                                                                    |
|-----|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 11  | Lọc thô G2<br>Kích thước:<br>590x445x10<br>mm             | - Khung: Nhôm<br>- Kích thước (dài x rộng x dày):<br>590x445x10 mm<br>- Vật liệu: Sợi tổng hợp<br>- Lưới bảo vệ 2 mặt<br>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779<br>hoặc ISO 16890 |                                                                                       |
| 12  | Lọc thô G2<br>Kích thước:<br>610x440x10<br>mm             | - Khung: Nhôm<br>- Kích thước (dài x rộng x dày):<br>610x440x10 mm<br>- Vật liệu: Sợi tổng hợp<br>- Lưới bảo vệ 2 mặt<br>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779<br>hoặc ISO 16890 |                                                                                       |
| 13  | Bông lọc bụi<br>G4<br>Kích thước:<br>1300x650x20<br>mm    | - Kích thước (dài x rộng x dày):<br>1300x650x20 mm<br>- Vật liệu: Sợi tổng hợp<br>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779<br>hoặc ISO 16890<br>- Không bao gồm khung lọc           |   |
| 14  | Bông lọc bụi<br>G2<br>Kích thước:<br>20000x2000x1<br>0 mm | - Kích thước (dài x rộng x dày):<br>20000x2000x10 mm<br>- Vật liệu: Sợi tổng hợp<br>- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779<br>hoặc ISO 16890<br>- Không bao gồm khung lọc         |  |

## 2.2. Yêu cầu về bảo hành:

Nhà thầu phải đáp ứng chế độ bảo hành chi tiết như sau:

- + Đối với danh mục Lọc Hepa ở số thứ tự 1 bảo hành tối thiểu 12 tháng tính từ ngày nghiệm thu;
- + Đối với danh mục Lọc túi F8 (kích thước 592x592x380 mm) và Lọc túi F8 (kích thước 592x287x380 mm) ở các số thứ tự 2, 3 bảo hành tối thiểu 06 tháng tính từ ngày nghiệm thu;
- + Đối với các danh mục còn lại ở các số thứ tự từ 4 đến 14 bảo hành tối thiểu 03 tháng tính từ ngày nghiệm thu;
- + Hoặc căn cứ theo thời hạn bảo hành của nhà sản xuất (nếu thời hạn bảo hành dài

hơn).

### **2.3. Yêu cầu khác:**

- Hàng hóa mới 100%, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Giao hàng trong vòng 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nhà sản xuất lọc Hepa, lọc túi, lọc thô: phải có chứng nhận ISO 9001-2015;
- Nhà thầu phải cung cấp kết quả kiểm tra (test report) của nhà sản xuất cho lọc Hepa;
- Hàng hóa luôn có sẵn để đáp ứng việc bảo hành trong vòng 48 giờ kể từ lúc nhận được thông báo của Bệnh viện;
- Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm an toàn lao động, vệ sinh, an ninh, trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy khi thực hiện công việc tại Bệnh viện.

## **II. Mục 2. Bản vẽ: Không có**

### **III. Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:**

- Tại thời điểm giao hàng, nhà thầu phải cung cấp các chứng từ chứng minh xuất xứ và chất lượng của hàng hóa.
- Kiểm tra tình trạng bên ngoài: đóng gói đúng quy cách, hàng hóa còn nguyên vẹn, trong trường hợp giao hàng nguyên đai, nguyên kiện thì kiện hàng còn nguyên niêm phong.
- Kiểm tra số lượng, chất lượng của hàng hóa.



thd